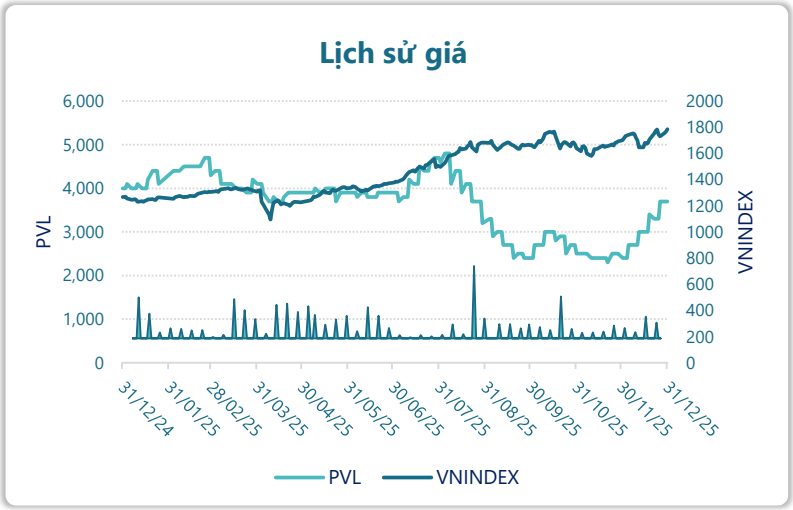
FireAnt

CTCP Địa ốc Dầu khí (UPCOM: PVL)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	68,660
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	185
P/E	-102.6
EPS	-36

DT thuần

Q4/25

2.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.90| 1270%

YoY: ▲ 2.03| 10172%

LN sau thuế

Q4/25

0.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.26| -40.2%

YoY: ▲ 2.23| 121%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-78.7%

+/- YoY: ▲ 3341%

DT thuần

2025

2.29

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.79| 355%

LN sau thuế

2025

-1.80

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.4| 89.5%

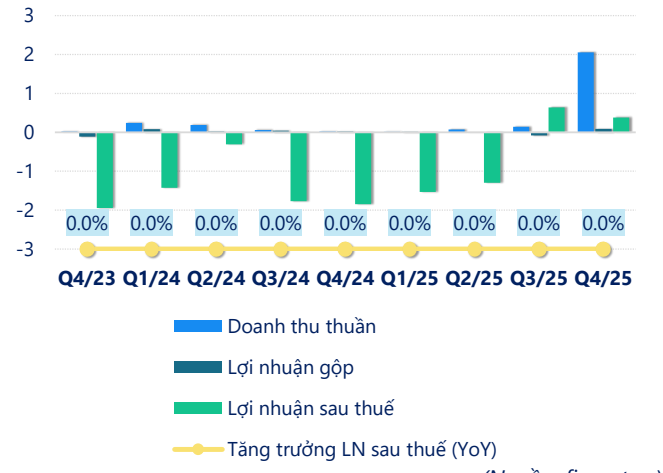
ROE

2025

-1.2%

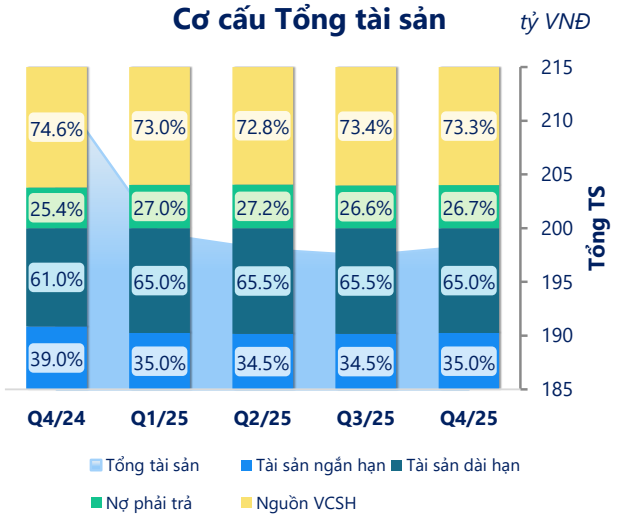
+/- YoY: ▲ 9.8%

Kết quả kinh doanh



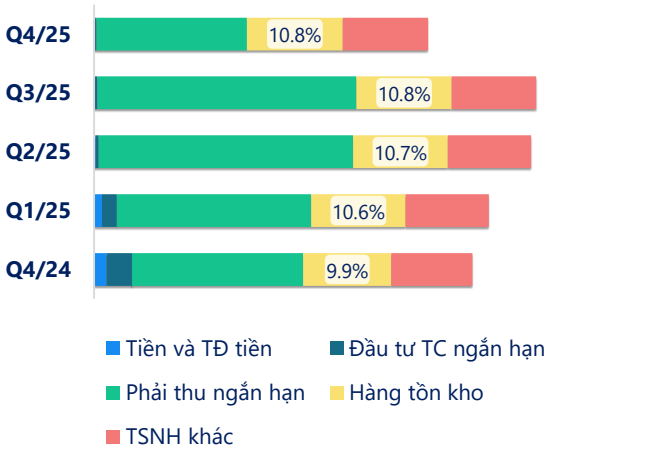
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



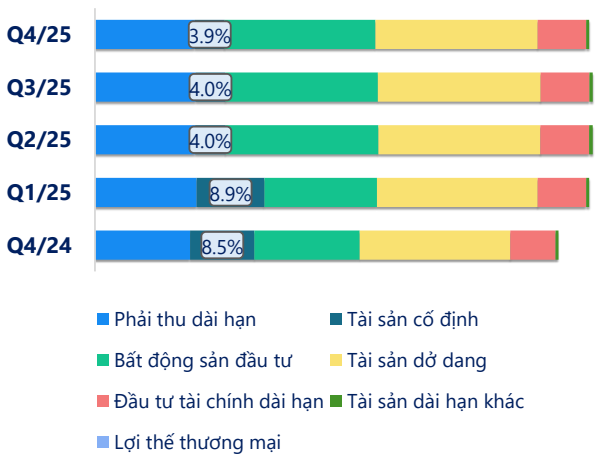
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



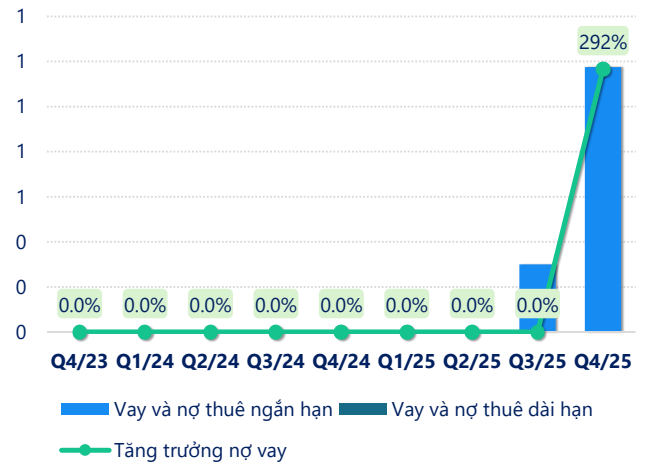
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



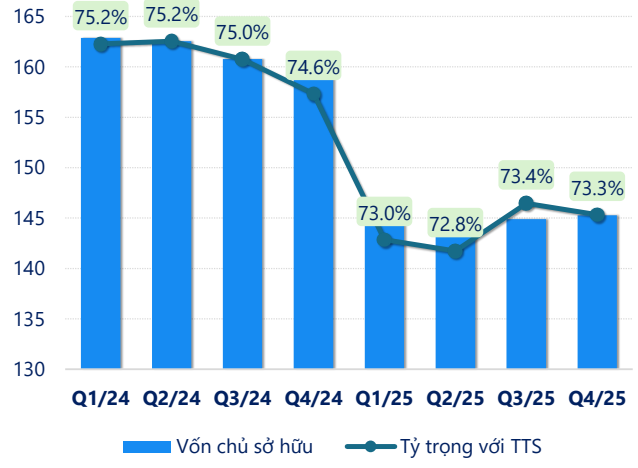
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



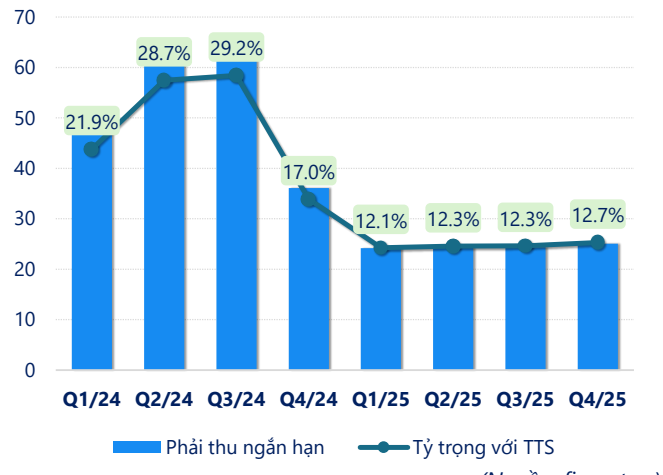
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



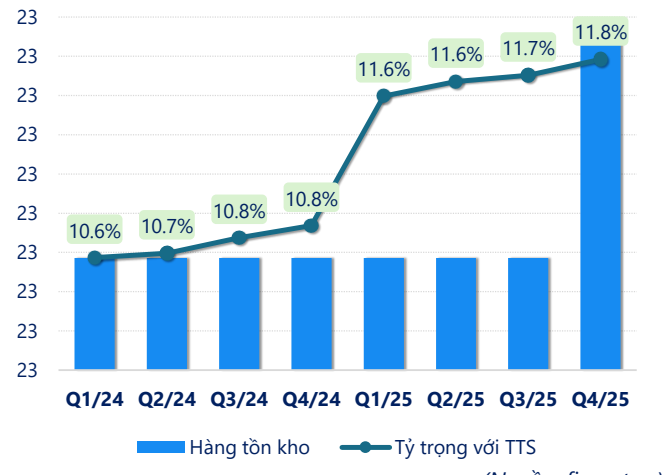
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



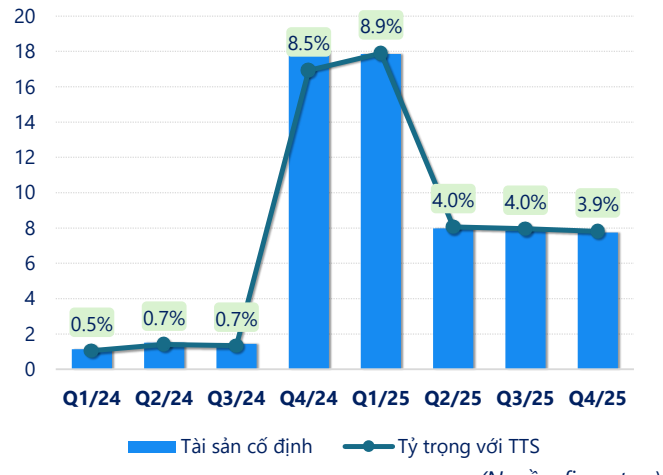
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



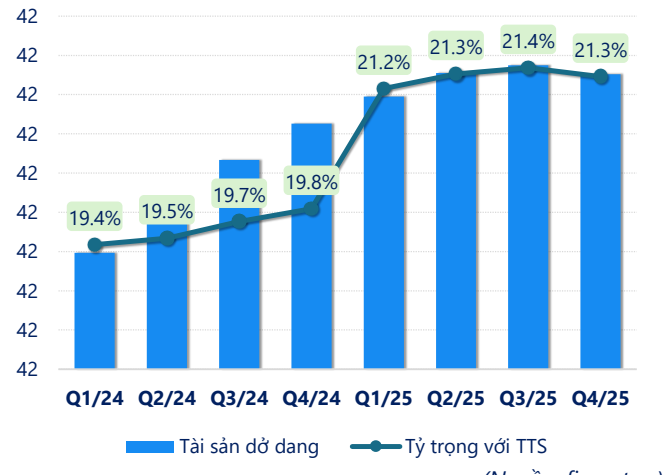
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



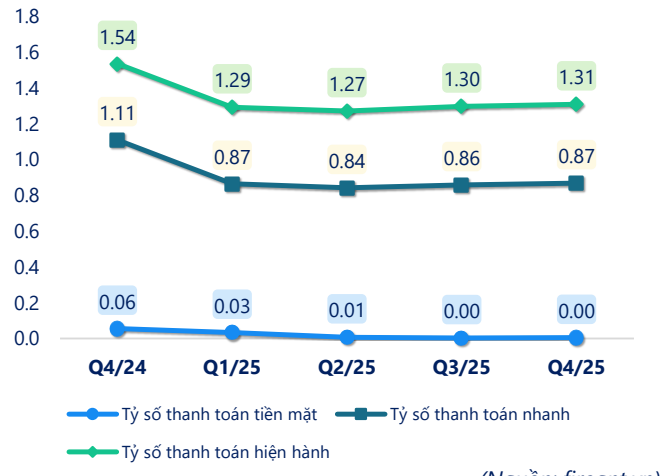
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



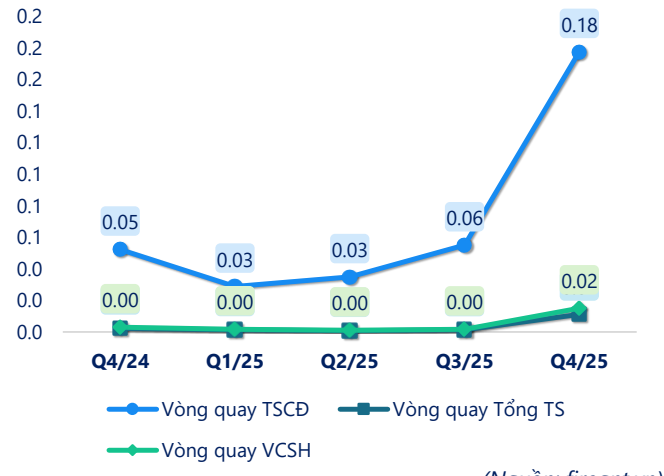
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**213**	**199**	**198**	**197**	**198**
Tài sản ngắn hạn	**83.0**	**69.7**	**68.3**	**68.1**	**69.3**
Tiền và tương đương tiền	3.00	1.78	0.39	0.16	0.24
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.36	0.21	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	36.1	24.2	24.3	24.4	25.1
Hàng tồn kho	23.0	23.0	23.0	23.0	23.3
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	20.5	20.5	20.5	20.7
Tài sản dài hạn	**130**	**130**	**130**	**129**	**129**
Phải thu dài hạn	26.7	26.7	26.1	26.1	26.1
Tài sản cố định	18.0	17.9	7.98	7.86	7.75
Bất động sản đầu tư	29.5	29.5	39.8	39.6	39.4
Tài sản dở dang	42.2	42.2	42.3	42.3	42.3
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	12.7	12.7	12.7
Tài sản dài hạn khác	0.88	0.80	0.94	0.84	0.75
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**54.1**	**53.9**	**53.8**	**52.6**	**53.0**
Nợ ngắn hạn	**54.0**	**53.9**	**53.7**	**52.5**	**52.9**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0.30	1.18
Phải trả người bán ngắn hạn	18.0	18.1	17.8	16.1	17.0
Nợ dài hạn	0.00	0.00	0.10	0.10	0.10
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**159**	**146**	**144**	**145**	**145**
Vốn chủ sở hữu	**159**	**146**	**144**	**145**	**145**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)